

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **221/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 17/7/2023.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Công Tâm.

2. Bà Bùi Thị Thúy Bắc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 158/2023/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2023/QĐST - HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn:

Ông **Ngô Vũ L**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn:

Bà **Phạm Thị Y B**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: ấp S, xã S, huyện C.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn vắng không có lí do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, đơn đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn ông Ngô Vũ L trình bày:

Nguyên vào năm 2018, ông và bà Phạm Thị Y B có tiến đến hôn nhân do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Định, huyện C vào ngày 10/10/2018. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không hàn gắn được. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, ông L sống ở ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Nay ông L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách giải quyết cho ông được ly hôn với bà Phạm Thị Y B, ông L không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Có 1 (một) người con chung là Ngô Ái My, sinh ngày 09/6/2019, hiện đang sống với bà Phạm Thị Y B. Sau khi ly hôn, ông L đồng ý để bà B được quyền nuôi con, ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng/tháng kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Thị Y B đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể quyết định cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; về con chung giao cháu Ngô Ái M, sinh ngày 09/6/2019, hiện đang sống với bị đơn cho bị đơn được quyền trực tiếp nuôi con và ghi nhận nguyên đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng/tháng kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; về tài sản chung và nợ chung do nguyên đơn trình bày không có vì vậy đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng qui định.

Bị đơn trong vụ án vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

Nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C vào ngày 10/10/2018, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Theo nguyên đơn trình bày thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không hàn gắn được, cả hai đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, hiện nay ông Bđang sống ở ấp Phương Quới B, xã Phương Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang và trong thời gian này cả hai bên vẫn chưa có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo hợp lệ các phiên hòa giải với mục đích là hòa giải, động viên nhằm hàn gắn tình cảm, quan hệ giữa vợ chồng cho hai bên. Tuy nhiên nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu ly hôn, bị đơn không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng đồng thời cũng không đến tham dự phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, cũng không tham gia phiên tòa để giải quyết vụ án.

Từ những phân tích, đánh giá như trên, Hội đồng xét xử nhận định nguyên đơn cương quyết ly hôn còn bị đơn dù biết ly hôn là chấm dứt quan hệ hôn nhân nhưng bị đơn đã bỏ mặc cho nguyên đơn tự giải quyết, không cùng nguyên đơn có các biện pháp tích cực nhằm cải thiện tình trạng hôn nhân của cả hai để kéo dài mối quan hệ hôn nhân. Như vậy tình trạng hôn nhân của cả hai đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử cần thiết phải chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng cho nguyên đơn sau khi ly hôn là do sự tự nguyện của nguyên đơn vì vậy được ghi nhận, bị đơn không có mặt tại phiên tòa để trình bày yêu cầu về cấp dưỡng giữa vợ chồng vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu này.

Về con chung: Nguyên đơn trình bày có 01 (một) con chung là Ngô Ái M, sinh ngày 09/6/2019, hiện đang sống với bà Bình. Sau khi ly hôn, ông L đồng ý để bà B được quyền nuôi con, ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với mức cấp dưỡng là 3.000.000đồng/tháng kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử nhận thấy khi vợ chồng ly hôn, việc giao con cho ai nuôi dưỡng là phải đảm bảo về mọi mặt cho con chung, đối với nguyên đơn sau khi hai vợ chồng sống ly thân thì bị đơn là người trực tiếp nuôi con chung vì vậy Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung chưa thành niên là cần thiết để đảm bảo cuộc sống, nhu cầu của con chung và phù hợp với Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đồng thời nguyên đơn tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 3.000.000đồng/tháng kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung: Nguyên đơn trình bày không có vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Lời phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách tại phiên tòa về hình thức, nội dung vụ án là phù hợp với việc xem xét, đánh giá chứng cứ của Hội đồng xét xử vì vậy được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng); tổng cộng là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải có nghĩa vụ chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án

số 0004359 ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Nguyên đơn có nghĩa vụ nộp án phí 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56; 81; 82; 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Cụ thể tuyên:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Vũ L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Vũ L được ly hôn với bà Phạm Thị Y B.

Ghi nhận ông Ngô Vũ L không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

2. Về con chung:

Bà Phạm Thị Y B có quyền, nghĩa vụ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Ngô Ái M, sinh ngày 09/6/2019, hiện đang sống với bà B

Ông Ngô Vũ L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với mức cấp dưỡng là 3.000.000đồng/tháng kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Ngô Vũ L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền, nghĩa vụ này tuy nhiên khi người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Ngô Vũ L có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004359 ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, buộc ông Ngô Vũ L có nghĩa vụ nộp tiếp án phí 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã S, huyện C;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Chí Cường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thúy Bắc Phạm Gia Ảnh

Đào Chí Cường

Nơi nhận:

THẨM

-Các đương sự;

TÒA

-TAND tỉnh Bến Tre;

-VKSND huyện C;

-Chi cục THADS huyện C;

-UBND xã Vĩnh Bình, huyện C;

-Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Đào Chí Cường